

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/DS-PT

Ngày 28 - 01 - 2026

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 618/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 811/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Chí T2, sinh năm 1973; cư trú ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1961; cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1963; cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Chí T2, bà Huỳnh Thị N: Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1963; cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2024, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Trương Ngọc S - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Chí L, sinh năm 1971; cư trú ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Chí L: Ông Nguyễn Tấn L1 - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1965; cư trú ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
 2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969; cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
 3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978; cư trú ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).
 4. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long.
- Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T:* Ông Hà Văn Thanh K, chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Chí L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn ông Huỳnh Chí T2, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn N1 trình bày:*

Vợ chồng cụ Huỳnh Văn Đ (chết năm 1973) và cụ Lê Thị Kim U' (chết năm 2006) có 06 người con gồm: Bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Chí T2, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị H và ông Huỳnh Chí L. Cụ Đ và cụ U' chết để lại di sản gồm 03 thửa đất, tọa lạc ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long, do cụ Lê Thị Kim U' đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Thửa 197, tờ bản đồ số 02 (nay thửa đất số 134, tờ bản đồ số 16), diện tích 2572,9m², loại đất ở và CLN; thửa số 822, tờ bản đồ 02, diện tích 6550m²; thửa số 872, tờ bản đồ 02 diện tích 360m² (nay là thửa 276, tờ bản đồ 15, diện tích 3.971,8m² và thửa 190, tờ bản đồ 15, diện tích 1954,7m²).

Sau khi cụ Đ và cụ U' chết, các thửa đất trên do ông Huỳnh Chí L quản lý, sử dụng. Ngày 18/5/2011, 06 anh chị em đã thống nhất lập văn bản phân chia di sản, nội dung thỏa thuận như sau:

- Chia cho anh Huỳnh Chí T2: 2000m² đất ruộng lúa và một nền nhà ở phần đất thổ cư, diện tích ngang 10m x dài 30m, phía Đông giáp Huỳnh Văn N1, phía Tây giáp Huỳnh Văn C, phía Nam giáp Huỳnh Chí L, phía Bắc giáp lộ T - H.
- Chia cho ông Huỳnh Văn N1: Một nền nhà ở phần đất thổ cư, diện tích ngang 5m x dài 30m. Phía Đông giáp đất ông Huỳnh Chí L, phía Tây giáp đất ông Huỳnh Chí T2, phía Nam giáp đất ông Huỳnh Chí L, phía Bắc giáp lộ T - H.
- Chia cho bà Huỳnh Thị N một nền nhà diện tích ngang 4m x dài 30m để cất nhà ở. Phần đất này giáp lộ T - H và giáp với đất của ông Mười C1.
- Chia cho anh Huỳnh Chí L: Ngoài phần đất ruộng thì đối với phần đất thổ cư diện tích 2.570m², thuộc thửa số 134 ông L được sử dụng hết. Sau này sẽ giao lại cho ông N1, anh T2, bà N cất nhà khi họ cần (ông T2 diện tích ngang 10m x dài 30m, ông N1 diện tích ngang 5m x dài 30m, bà N diện tích ngang 4m x dài 30m).

Sau khi có văn bản thỏa thuận trên, các anh chị em đã thống nhất để ông L đứng tên đất và thỏa thuận khi nào người được chia đất cần thì ông L giao lại. Vì vậy các anh chị em đã ký tên để ông L được đứng tên đất theo thủ tục thừa kế (lập văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 24/02/2014), vì vậy ông L được đứng tên các

thửa đất: Thửa 134, diện tích 2572,9m² loại đất ở và trồng cây lâu năm; thửa 276, diện tích 3.971,8m² và thửa 190, diện tích 1954,7m² cùng loại đất trồng lúa nước. Đầu năm 2024, ông T2 có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu ông L tách phần đất của ông T2 được phân chia ngang 10m, dài 30m, thuộc thửa đất 134. Ông L thống nhất và đề nghị đo đạc tách thửa, nhưng sau khi có kết quả đo đạc thì ông L không ký tên, nên gia đình phát sinh mâu thuẫn. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/02/2014 vô hiệu.
- Buộc ông Huỳnh Chí L giao trả di sản đã thỏa thuận phân chia ngày 18/5/2011 theo kết quả đo đạc cụ thể như sau:

- + Chia cho ông Huỳnh Chí T2 được hưởng phần đất theo đo đạc thuộc thửa tách 134-1, diện tích 310,5m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở). Hiện trạng trên đất có 03 cây xoài trên 05 năm và 02 cây dừa 03 năm do ông L trồng, ông T2 đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông L theo giá đã định với tổng số tiền 6.500.000 đồng.

- + Chia cho ông Huỳnh Văn N1 được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-2, diện tích 147,4m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở). Hiện trạng trên đất có căn nhà tiền chế do ông L xây dựng để buôn bán có giá trị là 40.000.000 đồng, ông N1 đồng ý bồi thường giá trị căn nhà tiền chế cho ông L.

- + Chia cho bà Huỳnh Thị N được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-3, diện tích 120,1m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở). Hiện trạng trên đất có cây trồng và vật kiến trúc do ông L tạo lập gồm: 01 cây dừa dưới 03 năm, 01 cây mít dưới 03 năm, 03 cây măng cụt trên 10 năm, 01 cây sân đường kính 40cm và phần mái che tiền chế. Bà N đồng ý trả giá trị cây trồng và mái che tiền chế cho ông L với tổng số tiền 32.800.000 đồng.

- Thống nhất giao cho ông Huỳnh Chí L được hưởng phần đất còn lại thuộc thửa tách 134-4, diện tích 1994,9m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 150m² đất ở) gắn liền căn nhà của cụ U để lại có giá trị là 50.000.000 đồng và 02 phần đất ruộng thuộc thửa 276, diện tích 3.971,8m² và thửa 190, diện tích 1954,7m².

** Bị đơn ông Huỳnh Chí L trình bày:*

Ông thống nhất như lời trình bày của các nguyên đơn khai về cha mẹ, di sản do cha mẹ chết để lại và có 06 anh chị em trong gia đình. Vào ngày 18/5/2011 các anh chị em của ông đã thỏa thuận phân chia di sản của cha mẹ chết để lại nên cùng ký tên vào Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình như lời trình bày của nguyên đơn. Năm 2014, các anh chị em đã đồng ý ký văn bản phân chia di sản thừa kế để cho ông đứng tên quyền sử dụng các thửa đất do cha mẹ để lại. Đầu năm 2024, ông T2 yêu cầu được chia đất theo Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình ngày 18/5/2011, ông đồng ý nên đã tiến hành thủ tục đo đạc, tách thửa phần đất ông T2 được chia, nhưng khi vừa có kết quả đo đạc thì ông T2 yêu cầu ông ký tên để ông T2 chuyển nhượng đất cho người khác, ông yêu cầu ông T2 cho ông được nhận chuyển nhượng lại nhưng ông T2 không đồng ý. Ông xác định phần đất ông được đứng tên quyền sử dụng đất hợp pháp, do thỏa thuận phần đất được chia các anh chị em chỉ được cất nhà ở không được sang bán cho người khác, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Bà thống nhất như lời trình bày của các nguyên đơn và bị đơn khai về cha mẹ, di sản do cha mẹ chết để lại và có 06 anh chị em trong gia đình. Sau khi cha mẹ chết, ngày 18/5/2011 các anh em có họp bàn phân chia di sản mỗi người được hưởng phần như các nguyên đơn khai. Khi phân di sản do cha mẹ để lại, bà và bà Huỳnh Thị T không có yêu cầu hưởng, nên đất chia cho 04 người đúng như văn bản thỏa thuận ngày 18/5/2011. Việc ông L được đứng tên đất vào năm 2014 bà có ký vào bản phân chia di sản thừa kế, nhưng đó chỉ là thủ tục để ông L được đứng tên đất để sau này chia lại cho anh em theo văn bản ngày 18/5/2011. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Bà thống nhất như lời trình bày của bà Huỳnh Thị H và không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Bà là vợ của ông Huỳnh Chí L, tài sản tranh chấp là của bên chồng nên bà không có yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T trình bày tại Công văn số 171/UBND ngày 29/8/2025:*

Ủy ban nhân dân xã T đã ký chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế số 53, quyển I, ngày 24 tháng 02 năm 2014. Văn bản hiện nay vẫn còn giá trị pháp lý, nên không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Huỳnh Chí T2, ông Huỳnh Văn N1, bà Huỳnh Thị N.

1. Tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/02/2014 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T bị vô hiệu.

2. Công nhận hiệu lực của Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình lập ngày 18/5/2011.

3. Buộc ông Huỳnh Chí L có nghĩa vụ giao phần di sản cho các đồng thừa kế được hưởng gồm:

- Giao Huỳnh Chí T2 được hưởng phần đất theo đo đạc thuộc Thửa tách 134-1, tờ bản đồ 16 diện tích 310,5m², loại đất ONT+CLN, trong đó có 50m² đất ở và 265,5m² đất CLN, địa chỉ ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Hiện trạng trên đất có 03 cây xoài 05 năm và 02 cây dưới 3 năm. (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6 cung cấp ngày 24/02/2025).

- Giao cho Huỳnh Văn N1 được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-2, tờ bản đồ 16 diện tích 147,4m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở và 97,4m² đất CLN), địa chỉ ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6 cung cấp ngày 24/02/2025).

- Giao cho bà Huỳnh Thị N được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-3, diện tích 120,1m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở và 70,1m² đất CLN), địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long và cây trồng gồm 01 cây dừa dưới 3 năm, 01 cây mít dưới 3 năm, 03 cây măng cụt trên 10 năm, 01 cây sắn đường kính 40cm. (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6 cung cấp ngày 24/02/2025).

- Ông Huỳnh Chí L tiếp tục quản lý sử dụng và được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-4, diện tích 1994,9m², loại đất ONT+CLN, trong đó có 150m² đất ở, địa chỉ ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà của cụ Lê Thị Kim U để lại có giá trị là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Các đương sự có quyền nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 134, tờ bản đồ số 16, diện tích 2572,9m², loại đất ONT+ CLN, địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long số phát hành B1 438286 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/5/2015 cho ông Huỳnh Chí L, hiện ông Huỳnh Chí L đang quản lý nên buộc ông Huỳnh Chí L có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các đồng thừa kế kê khai đăng ký đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Huỳnh Chí T2 có nghĩa vụ bồi thường giá trị cây trồng trên đất và trả lại diện tích đất chênh lệch cho ông Huỳnh Chí L tổng số tiền 8.768.000đ (tám triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Buộc ông Huỳnh Văn N1 có nghĩa vụ bồi thường giá trị căn tiền chế cho ông Huỳnh Chí L số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ bồi thường phần mái che tiền chế và giá trị cây trồng trên đất cho ông Huỳnh Chí L tổng số tiền 32.800.000đ (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2025, ông Huỳnh Chí L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu công nhận Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/02/2014 có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn Huỳnh Chí L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Qua phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên cho rằng án sơ thẩm xét xử chia quyền sử dụng đất cho các đương sự theo Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình lập ngày 18/5/2011 là có căn

cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Chí L, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn ông Huỳnh Chí T2, ông Huỳnh Văn N1, bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/02/2014 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T là vô hiệu; đồng thời yêu cầu buộc ông Huỳnh Chí L thực hiện việc chia di sản thừa kế của cha mẹ theo Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình lập ngày 18/5/2011, giao các phần đất cụ thể theo kết quả đo đạc. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng bản chất vụ án, đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Chí L nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Các đương sự đều thừa nhận tài sản tranh chấp do cha mẹ (cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Lê Thị Kim U) chết để lại không di chúc. Sau khi cha mẹ chết, ngày 18/5/2011 các anh chị em thống nhất lập Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình, trong đó nội dung phân chia như trình bày của các nguyên đơn. Bị đơn ông Huỳnh Chí L là người được giao quản lý di sản khi nào các thừa kế khác có nhu cầu sử dụng thì giao lại. Việc này ông L thừa nhận nhưng ông L cho rằng do có thỏa thuận chia đất để cất nhà ở không được sang bán, ông T2 lấy đất đem bán cho người khác nên ông không đồng ý, nhưng ông vẫn thừa nhận phần của những người được phân chia như văn bản lập ngày 18/5/2011. Xét thấy việc thỏa thuận phân chia di sản có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, đúng ý chí của các đồng thừa kế nên cần được công nhận.

[4] Xét văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/02/2014 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, thấy rằng: Văn bản này được lập nhằm mục đích làm thủ tục cho ông Huỳnh Chí L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện quản lý, sử dụng và thực hiện việc tách thửa khi các đồng thừa kế có nhu cầu. Việc này thể hiện sau khi được đứng tên đất năm 2015 thì năm 2024 ông T2 yêu cầu chia đất ông L cũng đồng ý nên cùng yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc tách thửa phần đất ông T2 được phân chia theo Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình lập ngày 18/5/2011, nên ý kiến ông L cho rằng năm 2024 các anh chị em đã thống nhất giao toàn bộ di sản cho ông là không đúng sự thật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 24/02/2014 vô hiệu là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điều 117, 122 và 126 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét yêu cầu chia di sản theo Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình ngày 18/5/2011: Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng khu đất, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản và sự thỏa thuận của các đương sự về giá trị cây trồng, vật kiến trúc, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Huỳnh Chí L giao các phần đất tương ứng cho ông Huỳnh Chí T2, ông Huỳnh Văn N1 và bà Huỳnh Thị N, đồng thời ghi nhận nghĩa vụ bồi thường giá trị tài sản trên đất là đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của ông L, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Huỳnh Chí L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117, 122, 126, 611, 612, 613, 616, 617, 650, 656, 657 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Chí L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2025/DS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Huỳnh Chí T2, ông Huỳnh Văn N1, bà Huỳnh Thị N.

1. Tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 24/02/2014 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T bị vô hiệu.

2. Công nhận hiệu lực của Bảng thỏa thuận phân chia tài sản gia đình lập ngày 18/5/2011.

3. Buộc ông Huỳnh Chí L có nghĩa vụ giao phần di sản cho các đồng thừa kế được hưởng gồm:

- Giao Huỳnh Chí T2 được hưởng phần đất theo đo đạc thuộc Thửa tách 134-1, tờ bản đồ 16 diện tích 310,5m², loại đất ONT+CLN, trong đó có 50m² đất ở và 265,5m² đất CLN, địa chỉ ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Hiện trạng trên đất có 03 cây xoài 05 năm và 02 cây dưới 3 năm. (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6 cung cấp ngày 24/02/2025).

- Giao cho Huỳnh Văn N1 được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-2, tờ bản đồ 16 diện tích 147,4m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở và 97,4m² đất CLN), địa chỉ ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6 cung cấp ngày 24/02/2025).

- Giao cho bà Huỳnh Thị N được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-3, diện tích 120,1m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 50m² đất ở và 70,1m² đất CLN), địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long và cây trồng gồm 01 cây dừa dưới 3 năm, 01 cây mít dưới 3 năm, 03 cây măng cụt trên 10 năm, 01 cây sân đường kính 40cm (theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 6 cung cấp ngày 24/02/2025).

4. Ông Huỳnh Chí L tiếp tục quản lý sử dụng và được hưởng phần đất thuộc thửa tách 134-4, diện tích 1994,9m², loại đất ONT+CLN, trong đó có 150m² đất ở, địa chỉ ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà của cụ Lê Thị Kim U để lại có giá trị là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

5. Các đương sự có quyền nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 134, tờ bản đồ số 16, diện tích 2572,9m², loại đất ONT+ CLN, địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long số phát hành B1 438286 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/5/2015 cho ông Huỳnh Chí L, hiện ông Huỳnh Chí L đang quản lý nên buộc ông Huỳnh Chí L có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các đồng thừa kế kê khai đăng ký đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Buộc ông Huỳnh Chí T2 có nghĩa vụ bồi thường giá trị cây trồng trên đất và trả lại diện tích đất chênh lệch cho ông Huỳnh Chí L tổng số tiền 8.768.000đ (tám triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

7. Buộc ông Huỳnh Văn N1 có nghĩa vụ bồi thường giá trị căn tiền chế cho ông Huỳnh Chí L số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

8. Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ bồi thường phần mái che tiền chế và giá trị cây trồng trên đất cho ông Huỳnh Chí L tổng số tiền 32.800.000đ (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

9. Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Chí L phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng mà ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003373 ngày 26/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Vĩnh Long được khấu trừ vào số tiền mà ông L phải chịu. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

10. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 4 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 - Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Lực